

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất
quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất sợi Brotex (Việt Nam)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 334/TTr-SXD ngày 21/12/2018 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất sợi Brotex (Việt Nam),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất sợi Brotex (Việt Nam) ban hành tại Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 17/7/2017, nội dung như sau:

1. Điều chỉnh số liệu diện tích các loại đất của nội dung tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tại Khoản 3, Điều 1 như sau:

“3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Công trình nhà máy – kho bãi:

Công trình nhà xưởng, nhà kho có tổng diện tích là 454.394,1 m², chiếm 62,83% tổng diện tích khu đất; các công trình nhà xưởng, nhà kho có tầng cao từ 1-4 tầng.

b) Công trình điều hành - dịch vụ:

Gồm các công trình: Văn phòng, trung tâm thí nghiệm, nhà ăn công nhân, nhà ăn chuyên gia, nhà xe, nhà nghỉ giữa ca, có tổng diện tích là 20.497,9 m², chiếm 2,83% tổng diện tích khu đất; các công trình có tầng cao từ 1-4 tầng.

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật:

Gồm các công trình: Bể xử lý nước sản xuất, bể xử lý nước sinh hoạt, nhà bơm phòng cháy chữa cháy, nhà kỹ thuật bể bơi...có tổng diện tích là 15.155,50 m², chiếm 2,10% tổng diện tích khu đất; các công trình có tầng cao ≤ 1 tầng.

d) Cây xanh:

Cây xanh có tổng diện tích là 146.560,6 m² chiếm 20,04% tổng diện tích khu đất.

đ) Giao thông, sân bãi: Tổ chức các tuyến giao thông chính (kết nối từ cổng vào đến các nhà xưởng sản xuất, kho bãi), giao thông phụ (các tuyến đường nội bộ khác), phù hợp dây chuyền sản xuất, diện tích đất giao thông sân bãi là 88.246,4 m² chiếm 12,20% tổng diện tích khu đất.”

2. Điều chỉnh bảng quy hoạch sử dụng đất và bảng thống kê chi tiết các lô đất tại khoản 4 Điều 1 như sau:

“ 4. Quy hoạch sử dụng đất

a) Bảng quy hoạch sử dụng đất:

Kí hiệu	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy, kho xưởng	454.394,1	62,83
2	Đất xây dựng công trình nhà điều hành - dịch vụ	20.497,9	2,83
3	Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	15.155,50	2,10
4	Đất cây xanh	144.926,6	20,04
5	Đất giao thông - sân bãi	88.246,4	12,20
	Tổng diện tích	723.220,50	100

b) Bảng thống kê chi tiết các lô đất:

Stt	Kí hiệu	Loại đất	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số SĐĐ
1	CN1	CX	Cây xanh	55.416,8	2	89	1,78
		NM-KX	Nhà xưởng sợi (B-A)				
		HT-KT	Công trình hạ tầng kỹ thuật				
2	CN2	CX	Cây xanh	61.790,3	2	90	1,80
		NM-KX	Nhà xưởng bông (B-B)				
		HT-KT	Công trình hạ tầng kỹ thuật				
3	CN3	CX	Cây xanh	9.993,4	1	77	0,77
		NM-KX	Nhà kho B-1				
4	CN4	CX	Cây xanh	15.202,9	1	81	0,81
		NM-KX	Nhà kho B-2				
5	CN5	CX	Cây xanh	12.404,3	1	76	0,76
		NM-KX	Nhà kho B-3				
6	CN6	CX	Cây xanh	16.568,9	1	76	0,76
		NM-KX	Nhà kho B-4				

Stt	Kí hiệu	Loại đất	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số SĐĐ
7	CN7	CX	Cây xanh	41.875,6	1	84	0,84
		NM-KX	Nhà kho B-5				
		NM-KX	Nhà kho B-6				
		NM-KX	Nhà kho B-7				
		GT	Giao thông nội khu				
8	CN8	CX	Cây xanh	13.507,4	4	98	3,93
		NM-KX	Nhà kho B-13				
9	CN9	CX	Cây xanh	11.276,6	4	98	3,93
		NM-KX	Nhà kho B-14				
10	CN10	NM-KX	Xưởng sửa chữa	5.669,9	1	79	0,79
		NM-KX	Kho linh kiện thiết bị				
		CX	Cây xanh				
11	CN11	CX	Cây xanh	6.083,8	1	27	0,27
		NM-KX	Kho hàng nguy hiểm				
12	CN12	CX	Cây xanh	55.113,4	2	90	1,79
		NM-KX	Xưởng B-C				
13	CN13	CX	Cây xanh	55.113,4	2	90	1,79
		NM-KX	Xưởng B-D				
14	CN14	CX	Cây xanh	55.113,4	2	90	1,79
		NM-KX	Xưởng B-E				
15	CN15	CX	Cây xanh	26.812,3	2	84	1,67
		NM-KX	Xưởng B-F				
16	CN16	CX	Cây xanh	26.812,3	2	84	1,67
		NM-KX	Xưởng B-G				
17	CN17	CX	Cây xanh	55.986,4	1	85	0,85
		NM-KX	Nhà kho B-8				
		NM-KX	Nhà kho B-9				
		NM-KX	Nhà kho B-10				
		NM-KX	Nhà kho B-11				
		GT	Giao thông nội khu				
18	CN18	CX	Cây xanh	15.070,2	1	67	0,67
		NM-KX	Nhà kho B-15				
19	CN19	CX	Cây xanh	6.517,7	1	56	0,56

Stt	Kí hiệu	Loại đất	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số SĐĐ
		NM-KX	Nhà kho B-16				
20	DV1	DH-DV	Nhà nghỉ giữa ca (A)	24.879,6	4	37	0,76
		DH-DV	Nhà nghỉ giữa ca (B)				
		DH-DV	Nhà nghỉ giữa ca (C)				
		DH-DV	Nhà bảo vệ số 1				
		DH-DV	Nhà ăn chuyên gia				
		DH-DV	Nhà xe đạp				
		DH-DV	Nhà xe số 1				
		HT-KT	Nhà kỹ thuật bể bơi				
		GT	Giao thông nội khu				
		CX	Cây xanh				
21	DV2	CX	Cây xanh	6.508,6	1	44	0,44
		DH-DV	Nhà ăn công nhân 1				
22	DV3	CX	Cây xanh	5.548,8	1	43	0,43
		DH-DV	Trung tâm thí nghiệm				
23	DV4	CX	Cây xanh	4.132,0	1	70	0,70
		DH-DV	Nhà ăn công nhân 2				
24	DV5	CX	Cây xanh	6.717,1	1	47	0,48
		HT-KT	Nhà thu gom rác				
		DH-DV	Nhà xe số 2				
25	DV6	DH-DV	Nhà bảo vệ 2	49,4	1	100	1,00
26	KT	CX	Cây xanh	7.017,6	1	39	0,34
		HT-KT	Bể xử lý nước thải				
		HT-KT	Bể xử lý nước sinh hoạt				
		HT-KT	Bơm phòng cháy chữa cháy				
		GT	Giao thông nội khu				
		DH-DV	Văn phòng				
27	CX	CX	Cây xanh	39.523,5	0	0	0
28	GT	GT	Giao thông	82.514,9	0	0	0
29	Tổng			723.220,5	-	67,33	1,20

”

3. Các nội dung khác đã được phê duyệt tại Quyết định số 1617/QĐ-UBND không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh và là một bộ phận không thể tách rời của Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất sợi Brotex (Việt Nam).

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Gò Dầu; Trưởng ban Ban quản lý khu kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Công ty TNHH Brotex Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *Kiểm*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- PTVP, KTN;
- Lưu: VT.

binhhht_QDUB_017 12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Kí, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

